

Từ nay, trường Đại học Sư phạm Việt Bắc có thêm nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên cấp 2 trình độ cao đẳng cho các tỉnh miền núi phía Bắc.

Điều 2. — Ông Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Việt Bắc có nhiệm vụ bàn giao học sinh, cán bộ, giáo viên, công nhân viên, tài sản, tài chính của trường Cao đẳng Sư phạm Việt Bắc cho ông Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Việt Bắc theo sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. — Bộ Giáo dục và Đào tạo có nhiệm vụ chỉ đạo cụ thể việc sáp nhập trường bảo đảm mọi hoạt động thường xuyên của trường trong năm học 1990-1991.

Điều 4. — Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Trưởng ban Ban Tổ chức — cán bộ của Chính phủ, các đồng chí Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước và Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Thái chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

K. T. Chủ tịch

Phó Chủ tịch

NGUYỄN KHÁNH

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 59-HĐBT ngày 21-3-1991 quy định về các hoạt động tôn giáo.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Đề đáp ứng nhu cầu hoạt động tôn giáo của đồng bào các tôn giáo;

Theo đề nghị của Trưởng Ban tôn giáo của Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. — Nhà nước bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do không tin ngưỡng của công dân; nghiêm cấm sự phân biệt đối xử vì lý do tôn giáo hoặc tin ngưỡng.

Điều 2. — Mọi công dân theo tôn giáo hoặc không theo tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật; được hưởng mọi quyền công dân và có trách nhiệm thực hiện mọi nghĩa vụ công dân.

Điều 3. — Các hoạt động tôn giáo phải tuân theo Hiến pháp và Luật pháp của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 4. — Những hoạt động tôn giáo vì lợi ích chính đáng và hợp pháp của tín đồ được bảo đảm. Những hoạt động tôn giáo vì lợi ích của Tổ quốc và nhân dân được khuyến khích.

Điều 5. — Mọi hoạt động mê tín dị đoan bị bài trừ. Mọi hành vi lợi dụng tôn giáo để phá hoại nền độc lập dân tộc, chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại chính sách đoàn kết toàn dân, làm hại đến nền văn hóa lành mạnh của dân tộc, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân đều bị xử lý theo pháp luật.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. — Mọi công dân có quyền tự do theo hoặc không theo một tôn giáo, từ bỏ hoặc thay đổi tôn giáo. Mọi hành vi vi phạm quyền tự do đó đều bị xử lý theo pháp luật.

Điều 7. — Tín đồ có quyền thực hiện các hoạt động tôn giáo không trái với chủ trương chính sách và luật pháp của Nhà nước; có quyền tiến hành các nghi thức thờ cúng, cầu nguyện tại gia đình và tham gia các hoạt động tôn giáo tại nơi thờ tự. Không được truyền bá mê tín dị đoan, không cản trở việc lao động sản xuất, học tập và thi hành nghĩa vụ công dân.

Điều 8. — Những hoạt động tôn giáo thông thường tại nơi thờ tự (như các buổi cầu nguyện, hành lễ, giảng đạo, dạy giáo lý...) theo tập quán tôn giáo tại địa phương và theo chương trình đăng ký hàng năm thì không phải xin phép.

Những hoạt động tôn giáo bất thường hoặc vượt ra ngoài tập quán thông thường thì phải có sự chấp thuận của chính quyền.

Điều 9.—Các cuộc tĩnh tâm của linh mục trong giáo phận, của các tu sĩ tập trung từ nhiều cơ sở dòng tu của đạo Thiên chúa, các lớp bồi dưỡng của mục sư và truyền đạo của đạo Tin lành, các kỳ an cư kiết hạ của tăng ni đạo Phật, và những sinh hoạt tôn giáo tương tự của các tôn giáo khác... phải xin phép Ủy ban Nhân dân tỉnh hoặc cấp hành chính tương đương.

Điều 10. — Đại hội theo nhiệm kỳ và hội nghị toàn quốc của các tổ chức tôn giáo cấp toàn quốc, từng miền hoặc từng vùng phải xin phép Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 11. — Nơi thờ tự của tôn giáo được Nhà nước bảo hộ; các tổ chức tôn giáo có trách nhiệm bảo vệ, tu bổ. Những công việc sửa chữa, coi nơi làm thay đổi kiến trúc công trình phải được Ủy ban Nhân dân tỉnh, hoặc cấp hành chính tương đương chấp thuận.

Điều 12. — Ở các khu vực dân cư đã ổn định và vùng kinh tế mới, nếu các tín đồ có nhu cầu xin xây dựng nơi thờ

tự thì phải xin phép Ủy ban Nhân dân tỉnh hoặc cấp hành chính tương đương xem xét, quyết định.

Điều 13. — Những nơi thờ tự của tôn giáo đã được xếp hạng theo quy định của ngành văn hóa vẫn được bảo đảm việc hành đạo bình thường của chức sắc, nhà tu hành và tín đồ.

Điều 14. — Giáo hội các tôn giáo được phép in, xuất bản các loại kinh, sách tôn giáo, sản xuất hoặc nhập khẩu văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng trong việc đạo theo các quy chế về in, xuất bản, xuất nhập khẩu văn hóa phẩm của Nhà nước.

Cấm lưu hành, tàng trữ những sách báo, văn hóa phẩm có nội dung tuyên truyền, xuyên tạc và chống lại chế độ của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trái pháp luật, gây chia rẽ tôn giáo, chia rẽ dân tộc và nhân dân.

Điều 15. — Các chức sắc, nhà tu hành được hoạt động kinh tế, văn hóa — xã hội như mọi công dân khác. Việc tổ chức lao động, sản xuất làm dịch vụ để cải thiện đời sống tại nơi tu hành, hoặc để xây dựng quỹ bảo dưỡng, trùng tu nơi thờ tự thì được khuyến khích và theo đúng chính sách, luật pháp của Nhà nước.

Điều 16. — Các chức sắc, nhà tu hành và các tổ chức tôn giáo được hoạt động từ thiện trong những lĩnh vực được Nhà nước cho phép. Những cơ sở hoạt động từ thiện hiện do tôn giáo bảo trợ được tiếp tục hoạt động theo sự hướng dẫn của các cơ quan chức năng của Nhà nước.

Điều 17. — Các tôn giáo được mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành, nhưng phải xin phép và được sự chấp thuận của Hội đồng Bộ trưởng.

Tổ chức và hoạt động của các trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành phải chấp hành những quy định của Ban Tôn giáo

của Chính phủ và các cơ quan chức năng của Nhà nước.

Điều 18. — Ủy ban Nhân dân tỉnh hoặc cấp hành chính tương đương nơi có trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành cùng Ban tôn giáo của Chính phủ và Bộ Giáo dục và đào tạo có trách nhiệm xem xét nhân sự, kiểm tra việc giảng dạy, học tập theo nội dung chương trình đã được xét duyệt.

Điều 19. — Việc phong chức cho chức sắc, nhà tu hành của các tôn giáo phải được sự chấp thuận của Ủy ban Nhân dân tỉnh hoặc cấp hành chính tương đương. Đối với chức sắc từ bậc Hòa thượng trong đạo Phật, Hồng y, Giám mục, Giám quản trong đạo Thiên Chúa và những bậc tương đương trong các tôn giáo khác phải được sự chấp thuận của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 20. — Việc bổ nhiệm, thuyên chuyển những chức sắc, nhà tu hành và những người chuyên hoạt động tôn giáo, kể cả những người do tín đồ bầu ra tùy theo địa bàn hoạt động cụ thể đều phải được các cấp chính quyền quản lý hành chính địa bàn đó chấp thuận mới được hoạt động.

Điều 21. — Các dòng tu (hoặc các hình thức tu hành tập thể tương tự) muốn hoạt động phải xin phép và được sự chấp thuận của Hội đồng Bộ trưởng hoặc cơ quan được Hội đồng Bộ trưởng ủy quyền.

Các dòng tu được tiếp nhận người mới vào tu viện. Những người đó có trách nhiệm làm đầy đủ các thủ tục về quản lý hành chính với chính quyền nơi có cơ sở tu viện và nơi thường trú.

Điều 22. — Mọi hoạt động quốc tế của các tổ chức tôn giáo và chức sắc, nhà tu hành phải tuân theo quy định chung của Nhà nước về hoạt động đối ngoại.

Điều 23. — Các chức sắc, nhà tu hành được các tổ chức tôn giáo ở ngoài nước

phong chức, bổ nhiệm phải được sự chấp thuận của Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Những cá nhân và tổ chức tôn giáo trong nước phải xin phép chính quyền trước khi thực hiện những hướng dẫn của tổ chức tôn giáo ở nước ngoài.

Điều 24. — Các tổ chức tôn giáo cử người tham dự các hoạt động tôn giáo ở nước ngoài, mời chức sắc, nhà tu hành các tôn giáo hoặc đại biểu các tổ chức tôn giáo nước ngoài vào nước ta đều phải xin phép và được sự chấp thuận của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 25. — Mọi hoạt động viện trợ của các tổ chức tôn giáo nước ngoài hoặc có liên quan đến tôn giáo nước ngoài đều tuân theo chính sách, chế độ quản lý hiện hành và thông qua các cơ quan được Hội đồng Bộ trưởng giao phụ trách công tác quản lý viện trợ.

Các tổ chức hoặc cá nhân tôn giáo trong nước muốn nhận viện trợ thuần túy tôn giáo phải xin phép Hội đồng Bộ trưởng.

Các tôn giáo ngoài hảo tâm, tự nguyện của tín đồ, không được tự ý đặt ra các khoản quyền góp trái với quy định của Nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. — Trưởng ban Ban Tôn giáo của Chính phủ, Thủ trưởng các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Nghị định này.

Điều 27. — Ban Tôn giáo của Chính phủ hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

Điều 28. — Nghị định này thay thế Nghị quyết 297-CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ và có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
 Chủ tịch
 ĐỒ MƯỜI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 71-CT ngày 26-3-1991 về quản lý việc vay, sử dụng vốn vay và trả nợ nước ngoài đối với các khoản vay theo dự án thủy lợi.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản ban hành kèm theo Nghị định số 385-HĐBT ngày 7 tháng 11 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng;

Xét đề nghị của Liên Bộ Tài chính — Thủy lợi (tờ trình số 1594-LB/TC-TL ngày 26 tháng 9 năm 1990) và của Ngân hàng đầu tư và xây dựng (tờ trình số 180-NHĐT/XD ngày 5 tháng 11 năm 1990);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Các khoản vốn vay của các nước và các tổ chức tài chính tín dụng quốc tế đầu tư cho các dự án thủy lợi được ghi thu vào Ngân sách Nhà nước và phân bổ như sau:

a) Vốn vay theo các mục trong dự án thủy lợi để đầu tư cho các đối tượng không trực tiếp thu hồi vốn như đập, kênh mương, cống, trạm bơm v.v... thì Bộ Tài chính nhận vốn vay và thu xếp vốn trả nợ.

b) Các khoản vay theo các mục trong dự án thủy lợi để đầu tư cho các đối tượng có thể trực tiếp thu hồi vốn như thiết bị thi công, khảo sát, thiết kế, chế tạo v.v... thì Ngân hàng đầu tư và phát triển nhận vốn, tổ chức cho vay và thu hồi vốn trả nợ nước ngoài.

c) Trường hợp Ngân hàng đầu tư và phát triển được ủy nhiệm ký vay và nhận toàn bộ vốn vay theo dự án và chịu trách nhiệm trả nợ với nước ngoài thì Ngân hàng chuyển phần vốn vay thuộc các hạng mục đầu tư bằng vốn ngân sách cho Bộ Tài chính.

Điều 2. — Bộ Tài chính được dùng các nguồn vốn sau đây để trả nợ nước ngoài về các khoản vay theo dự án thủy lợi:

a) Các nguồn thu về khai thác công trình thủy lợi nộp vào ngân sách theo quy định của Nhà nước.

b) Nếu số thu trên chưa đủ thì phần còn thiếu được trích một khoản tương ứng trong tổng mức đầu tư cho ngành thủy lợi trong năm kế hoạch.

c) Ngân hàng Đầu tư và phát triển thu nợ các khoản đã cho vay theo quy định ở mục b điều 1 Quyết định này và chuyển cho ngân sách để Bộ Tài chính trả nợ nước ngoài.

d) Trường hợp Ngân hàng Đầu tư và phát triển chịu trách nhiệm trả nợ nước ngoài như quy định ở mục c điều 1 Quyết định này thì Bộ Tài chính chuyển vốn cho Ngân hàng Đầu tư và phát triển để trả nợ nước ngoài khi đến hạn.

Điều 3. — Tùy theo nội dung cụ thể do Chính phủ ta vay Chính phủ các nước hoặc vay các tổ chức tài chính tín dụng quốc tế hoặc vay của các công ty nước ngoài, v.v..., Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng sẽ giao cho những cơ quan có liên quan tham gia đàm phán và chỉ định người thay mặt ký kết hiệp định hoặc hợp đồng vay vốn.

Điều 4. — Việc tiếp nhận vốn vay và quản lý sử dụng vốn vay được phân định như sau: